

Số: 19/2025/QĐST-DS

Hải Phòng, ngày 19 tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Biên bản hoà giải thành ngày 11 tháng 8 năm 2025 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 143/2025/TLST-DS ngày 21 tháng 5 năm 2025,

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q (sau đây gọi tắt là Ngân hàng); địa chỉ trụ sở: Tầng A (tầng trệt) và Tầng B, Tòa nhà S, số A P, phường S, thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ liên lạc: Tầng G, Tòa nhà C, số A P, phường C, thành phố Hà Nội.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Đức N; địa chỉ: Tổ dân phố X, phường T, thành phố T, thành phố Hải Phòng (nay Tổ dân phố X, phường T, thành phố Hải Phòng) và chị Trần Thị H; địa chỉ: Số B CC A, KP4, phường P, Quận G, thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ hiện nay: Phòng D, Chung cư G, đường Đ, Phường T, Quận G, thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường T, thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện theo uỷ quyền của chị Trần Thị H: Anh Nguyễn Đức N; địa chỉ: Tổ dân phố X, phường T, thành phố T, thành phố Hải Phòng (nay Tổ dân phố X, phường T, thành phố Hải Phòng).

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Đức L và bà Nguyễn Thị L1; địa chỉ: Tổ dân phố X, phường T, thành phố T, thành phố Hải Phòng (nay là Tổ dân phố X, phường T, thành phố Hải Phòng).

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về số tiền nợ gốc, lãi:

+ Tạm tính đến ngày 11/8/2025, tổng số tiền anh Nguyễn Đức N còn nợ Ngân hàng theo Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kèm Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản số 000000000180616 ngày 03/12/2018; Hợp đồng tín dụng (mua ô tô tiêu dùng) số 329.HĐTD1.043.18 ngày 23/10/2018 và Hợp đồng tín dụng (mua ô tô tiêu dùng) số 353.HĐTD1.043.18 ngày 08/11/2018 là 280.927.995 đồng trong đó nợ gốc 238.644.820 đồng; nợ lãi 45.929.134 đồng.

+ Tạm tính đến ngày 11/8/2025, anh Nguyễn Đức N và vợ là chị Trần Thị H còn nợ Ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng số 2092.HĐTD1.009.23 ký ngày 12/12/2023 và Hợp đồng tín dụng số 053.HĐTD1.009.24 ký ngày 25/01/2024 tổng số: 13.871.726.877 đồng trong đó nợ gốc 13.043.332.917 đồng; nợ lãi quá hạn 309.863.666 đồng; lãi phạt: 531.530.294 đồng.

2.2. Về thời hạn, phương thức thanh toán:

Việc trả nợ chia làm 3 kỳ cụ thể như sau:

+ Kỳ 1: Chậm nhất ngày 30/8/2025 anh Nguyễn Đức N cam kết trả cho Ngân hàng 1.000.000.000 đồng;

+ Kỳ 2: Chậm nhất ngày 30/9/2025 anh Nguyễn Đức N cam kết trả cho Ngân hàng 2.000.000.000 đồng;

+ Kỳ 3: Chậm nhất ngày 31/10/2025 anh Nguyễn Đức N cam kết tất toán toàn bộ khoản nợ, tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng, giấy nhận nợ **và các cam kết (nếu có)** đã ký.

Kể từ ngày 12/8/2025, anh Nguyễn Đức N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi và phạt chậm trả lãi phát sinh theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kèm Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản số 000000000180616 ngày 03/12/2018; Hợp đồng tín dụng (mua ô tô tiêu dùng) số 329.HĐTD1.043.18 ngày 23/10/2018; Hợp đồng tín dụng (mua ô tô tiêu dùng) số 353.HĐTD1.043.18 ngày 08/11/2018 và các cam kết khác (nếu có) cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Kể từ ngày 12/8/2025, anh Nguyễn Đức N, chị Trần Thị H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi và phạt chậm trả lãi phát sinh theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 2092.HĐTD1.009.23 ký ngày 12/12/2023 và Hợp đồng tín dụng số 053.HĐTD1.009.24 ký ngày 25/01/2024 và các cam kết khác (nếu có) cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q cho vay.

Trong trường hợp anh Nguyễn Đức N không thực hiện, thực hiện không đầy đủ (kể cả từng kỳ trả nợ từng tháng) theo cam kết nêu trên thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên, phát mại tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp số 329.HĐTC1.043.18 ngày 23/10/2018 giữa Ngân

hàng với anh Nguyễn Đức N, số công chứng 4537/HĐTC/2023, quyền số 02/2018. TP/CC-SCC/HĐGD ký ngày 23/10/2018 tại Văn phòng C. Hợp đồng thế chấp số 353.HĐTC1.043.18 ngày 08/11/2018 giữa Ngân hàng với anh Nguyễn Đức N, số công chứng 4893, quyền số 02/2018. TP/CC-SCC/HĐGD ký ngày 08/11/2018 tại Văn phòng C. Cụ thể tài sản đảm bảo là: Xe ô tô nhãn hiệu Ford, biển kiểm soát số 15C-309.37, số khung MNCUMFF60KW877694, số máy YN2QW877694, chủ sở hữu Nguyễn Đức N và Xe ô tô tải picjk up cabin kép nhãn hiệu Ford Ranger, biển kiểm soát số 15C-311.19, số khung MNCLMFF80KW898794, số máy P4AT2701990, chủ sở hữu Nguyễn Đức N.

Trong trường hợp anh Nguyễn Đức N và chị Trần Thị H không thực hiện, thực hiện không đầy đủ (kể cả từng kỳ trả nợ từng tháng) theo cam kết nêu trên thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên, phát mại tài sản bảo đảm theo hợp đồng thế chấp số 2091.HĐTC1.009.23 ngày 12/12/2023 giữa Ngân hàng với anh Nguyễn Đức N, chị Trần Thị H số công chứng 20248/HĐTC/2023, quyền số 07 TP/CC-SCC/HĐGD ký ngày 12/12/2023 tại Văn phòng C1 để thu hồi toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q.

Cụ thể tài sản bảo đảm là: Quyền sử dụng 860m2 đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 454, tờ bản đồ số 02 tại địa chỉ: xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng (nay là phường T, thành phố Hải Phòng) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số D 0195627, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: 97-QSDĐ/HPTNTĐ01 do UBND huyện T, thành phố Hải Phòng cấp ngày 08/6/1995 cho ông Nguyễn Văn L2; ngày 26/01/2022 Văn phòng Đ chi nhánh huyện T đã xác nhận tại trang 4 việc tặng cho đất của ông Nguyễn Văn L2 đối với anh Nguyễn Đức N.

bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm nêu trên sau khi trừ đi các chi phí tố tụng, thi hành án, bảo quản, xử lý tài sản thì được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của anh Nguyễn Đức N và chị Trần Thị H tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q theo Hợp đồng tín dụng, giấy nhận nợ và các cam kết (nếu có) nêu trên. Trường hợp nếu thừa sẽ trả lại cho anh Nguyễn Đức N và chị Trần Thị H, trường hợp nếu thiếu thì anh Nguyễn Đức N và chị Trần Thị H tiếp tục phải có trách nhiệm trả nợ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q cho đến khi trả hết nợ.

2.3. Về án phí:

- Anh Nguyễn Đức N tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định là 61.076.327đ (*sáu mươi một triệu, không trăm bảy mươi sáu nghìn, ba trăm hai mươi bảy đồng*).

- Trả lại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 60.900.000đ (*sáu mươi triệu, chín trăm nghìn đồng*) tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng theo Biên lai thu tạm ứng Án phí, lệ phí Tòa án số 0010631 ngày 21/5/2025.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND khu vực 1 – Hải Phòng;
- VKSND TP. Hải Phòng;
- TAND TP. Hải Phòng;
- THA DS TP Hải Phòng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đỗ Thị Hạnh